

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THÔNG NHẤT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~471~~CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 16 tháng 07 năm 2024.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: **TNC**

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Phước Hưng, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng
Tàu

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý II năm 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/07/2024 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính quý II năm 2024.

Đại diện tổ chức
Người ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		198,574,600,979	202,569,925,259
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7,894,347,899	10,619,756,382
Tiền	111		7,894,347,899	10,619,756,382
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		151,100,000,000	136,100,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		151,100,000,000	136,100,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5,747,874,050	12,010,234,345
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		6,639,546,555	7,111,095,895
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,830,621,831	1,116,431,709
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		2,574,530,599	9,079,531,676
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5,296,824,935)	(5,296,824,935)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		25,598,757,292	42,658,057,427
Hàng tồn kho	141		25,598,757,292	42,658,057,427
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8,233,621,738	1,181,877,105
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6,706,313,128	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1,527,308,610	1,181,877,105
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162,798,951,828	164,159,298,652
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		110,687,337,515	111,827,864,265
Tài sản cố định hữu hình	221		110,687,337,515	111,827,864,265
Nguyên giá	222		198,986,535,155	196,638,001,830
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88,299,197,640)	(84,810,137,565)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340,000,000)	(340,000,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14,432,897,475	16,865,793,308
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14,432,897,475	16,865,793,308
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		31,611,175,704	31,611,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4,800,000,000	4,800,000,000

007186
ÔNG
CỔ PH
CAO S
IÔNG
T. BÀ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6,067,541,134	3,854,465,375
Chi phí trả trước dài hạn	261		6,067,541,134	3,854,465,375
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		361,373,552,807	366,729,223,911
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		46,498,034,966	34,194,957,296
I. Nợ ngắn hạn	310		46,498,034,966	34,194,957,296
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,274,994,605	1,493,301,662
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		303,259,994	5,572,115,798
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		-	987,828,358
Phải trả người lao động	314		1,738,945,288	8,928,179,710
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		57,500,000	271,228,600
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		25,068,804,164	2,158,878,255
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		18,054,530,915	14,783,424,913
Quỹ bình ỗ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		314,875,517,841	332,534,266,615
I. Vốn chủ sở hữu	410		314,875,517,841	332,534,266,615
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		105,832,657,290	105,832,657,290
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16,542,860,551	34,201,609,325
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,527,420,125	34,201,609,325
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15,015,440,426	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		361,373,552,807	366,729,223,811



ĐINH TÂN THÔNG TIN
Người lập Bảng



TRẦN HỮU TRÍ
Kế Toán Trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 16 tháng 07 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21,020,094,412	25,703,112,583	60,504,496,168	71,264,423,193
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10		21,020,094,412	25,703,112,583	60,504,496,168	71,264,423,193
Giá vốn hàng bán	11		16,070,474,729	20,962,938,181	49,459,427,979	60,347,682,579
Lợi nhuận gộp	20		4,949,619,683	4,740,174,402	11,045,068,189	10,916,740,614
Doanh thu hoạt động tài chính	21		11,106,681,006	15,400,951,471	13,675,902,004	17,740,029,694
Chi phí tài chính	22			99,087,672		463,756,165
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24		3,017,731,138	532,597,741	5,132,092,132	1,230,749,115
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,010,071,005	2,150,897,003	3,950,306,560	4,201,090,884
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		11,028,498,546	17,358,543,457	15,638,571,501	22,761,174,144
Thu nhập khác	31		358,478,101	5,427,767,493	892,163,001	5,460,951,178
Chi phí khác	32		(14,543,954)	1,397,453,378	178,626,500	1,549,137,498
Lợi nhuận khác	40		373,022,055	4,030,314,115	713,536,501	3,911,813,680
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,401,520,601	21,388,857,572	16,352,108,002	26,672,987,824
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		453,509,737	1,583,041,683	1,336,667,576	2,396,319,052
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,948,010,864	19,805,815,889	15,015,440,426	24,276,668,772
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		569	1,029	780	1,261
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		569	1,029	780	1,261

ĐINH TÂN THÔNG TIN
Người lập Bảng**TRẦN HỮU TRÍ**
Kế toán trưởng**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 16 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

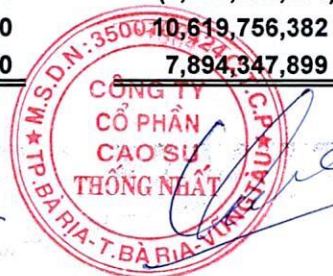
	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		16,352,108,002	26,931,045,324
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2,375,605,858	2,340,627,398
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03			
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,909,696,945)	(16,492,355,715)
Chi phí lãi vay	06			-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		15,818,016,915	12,779,317,007
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(48,386,929)	(8,630,881,413)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		17,059,300,135	(31,005,077,235)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		18,404,557,536	31,352,020,401
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(8,919,388,887)	(6,714,292,636)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2,457,188,563)	(2,447,930,552)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		3,511,106,002	7,456,459,622
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43,368,016,209	2,789,615,194
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(4,446,098,298)	12,399,537,536
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		713,536,501	4,169,871,180
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15,000,000,000)	(7,100,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,776,086,080	9,309,491,479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7,956,475,717)	18,778,900,195
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38,136,948,975)	(3,663,112,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38,136,948,975)	(3,663,112,500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(2,725,408,483)	17,905,402,889
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		10,619,756,382	3,983,258,871
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		7,894,347,899	21,888,661,760

(Signature)

ĐINH TẤN THÔNG TIN
Người lập Bảng

(Signature)

TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 16 tháng 07 năm 2024 5

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006. Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016. vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức

kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau:

-Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

-Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

35087
CÔNG
CỔ P
CÁC
THÔNG
A.T.B

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM. Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai. Việt Nam	Bên liên quan

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	388.374.233	592.351.310
- Tiền gửi ngân hàng	7.505.973.666	10.027.405.072
- Các khoản tương đương tiền		
Tổng cộng:	7.894.347.899	10.619.756.382

a) Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	308.092.303		308.092.303
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	5.078.591		5.078.591
Tại quỹ NTCS Phong Phú	365.158		365.158
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	65.332.000		65.332.000
Tại quỹ Đội NN UDCNC Thống Nhất 2	9.506.181		9.506.181
Tổng cộng:	388.374.233	-	388.374.233

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	Tiền gửi VND	Tiền gửi USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	1.632.718.780		1.632.718.780
Ngân hàng NN&PTNT Tỉnh Bà Rịa Vũng tàu	4.336.392		4.336.392
Ngân hàng NN&PTNT CN Phú Nhuận TP.HCM	934.000		934.000
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	602.611.020		602.611.020
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	125.390		125.390
BIDVBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	1.627.570		1.627.570
Sacombank - CN huyện Châu Đức	5.258.593.125		5.258.593.125
Agribank - CN huyện Châu Đức	2.959.365		2.959.365
Ngân hàng TMCP Kiên Long CN BR – VT	1.147.371		1.147.371
Vietcombank Bà Rịa	920.653		920.653
Tổng cộng:	7.505.973.666		7.505.973.666

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống		-
Tổng cộng:		-
Tổng cộng:		-

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm			
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		
b1) Ngắn hạn	151.100.000.000	151.100.000.000	136.100.000.000	136.100.000.000		
- Tiền gửi có kỳ hạn	151.100.000.000	151.100.000.000	136.100.000.000	136.100.000.000		
- Trái phiếu						
b2) Dài hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn						
- Trái phiếu						
- Các khoản đầu tư khác						
Tổng cộng (b1+b2)	151.100.000.000	151.100.000.000	136.100.000.000	136.100.000.000		
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3. Phải thu khách hàng	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	6.639.546.555	5.296.824.935	7.111.095.895	5.296.824.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.079.180.000	4.407.000.000	4.079.180.000	4.407.000.000
Công ty TNHH TM Long Phương Uyên	-	-	-	-
Công ty cổ phần cao su Hòa Bình	-	-	1.534.680.000	-
Công ty TNHH SX TM Hải Gia Phúc	-	-	36.747.060	-
Ông Hoàng Thịnh	150.663.900	-	170.663.900	-
Ông Trần Tuấn Thành	780.000.000	380.000.000	780.000.000	380.000.000
Công ty TNHH Real Farm	402.948.000	-	-	-
Công ty cổ phần cao su Xuân Lộc	630.941.220	-	-	-
Công ty TNHH XNK Nông sản Nông Nghiệp New Farm	85.988.500	-	-	-
Ông Hoàng Quốc Đạt	-	-	-	-
Các khách hàng là Đại lý bán cám	509.824.935	509.824.935	509.824.935	509.824.935
b) Phải thu của khách hàng dài hạn				
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Tổng cộng:	6.639.546.555	5.296.824.935	7.111.095.895	5.296.824.935

4. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.830.621.831	1.116.431.709

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Công ty CP Đất Đò	340.000.000		340.000.000
Công ty CP tư vấn và thẩm định giá Đông Nam	82.500.000		82.500.000
Công ty TNHH TM DV XD Tân Thành Phát	20.000.000		20.000.000
Công ty CP Công Nghệ Sinh học Cây Giống VN	65.830.000		188.978.190
Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Vy Vy			51.800.000
Công ty TNHH SXTM DV Nông nghiệp Châu Đức	78.090.000		
Công ty cổ phần Đầu tư & Xây dựng SHS	11.807.625		
Công ty cổ phần ô tô Nghĩa Vũng Tàu	1.129.000.000		
Phạm Thị Thu Phượng	66.685.000		
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học Kỹ Thuật Mỹ Thành	8.076.750		
Cty TNHH TM DV Cơ Khí Nhôm Kính Hương Việt	24.642.000		34.992.000
Công ty TNHH XD TM SX Uy Long			387.172.510
Trả tiền vật tư , nguyên liệu	3.990.456		10.989.009
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-		-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-		-
Tổng cộng:	1.830.621.831		1.116.431.709

5. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.574.530.599		9.079.531.676	-
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000		317.820.000	
Phải thu bảo hiểm người lao động	528.360.743		206.476.640	
Phải thu thuế TNCN người lao động	150.916.028		401.368.143	
Lãi tiền gửi phải thu	1.370.877.778		7.681.625.000	
Phải thu phụ cấp HĐQT & Ban Kiểm soát				
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	84.976.050		18.000.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)				
Các khoản phải thu – Cty TNHH Sx TM XK Minh Quyền	5.000.000		5.000.000	
Phải thu khác	16.580.000		304.580.000	
Phải thu tiền thuế GTGT tính trước			44.661.893	
Phải thu về cổ phần hóa	100.000.000		100.000.000	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng:	2.574.530.599		9.079.531.676	

6. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.296.824.935	5.296.824.935
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.407.000.000	4.407.000.000
Dương Thị Yến	53.000.000	53.000.000
Lê Ngọc Tùng	10.000.340	10.000.340
Dương Minh Chiến	34.379.160	34.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235	59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	58.300.000	58.300.000
Anh Hoàng – Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700	246.776.700
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000	10.450.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Trần Tuấn Thành	380.000.000		380.000.000
Dương Văn Lợi	20.000.000		20.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-		-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan	-		-
Tổng cộng:	5.296.824.935		5.296.824.935

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường		-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	6.574.250.942		5.433.361.027	
- Công cụ, dụng cụ	1.952.053.559		2.159.159.558	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.111.925.710		27.883.386.884	-
- Thành phẩm	2.960.527.081		7.182.149.958	
- Hàng hoá		-		-
Tổng cộng:	25.598.757.292	-	42.658.057.427	-

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2	-		-	-
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	-			
b) Xây dựng cơ bản dở dang	14.432.897.475	-	16.865.793.308	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	3.172.598.760		2.953.530.070	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	8.473.304.768		11.993.614.797	
Vườn Sầu Riêng Đội NNUDCNC TN1	2.703.661.458		1.835.315.952	
Dự án B94 – Bàu Mỹ				
Vườn Điều tại Đội CS Phong Phú	83.332.489		83.332.489	
Tổng cộng:	14.432.897.475	-	16.865.793.308	-

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây cao su	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	65.723.707.311	16.819.672.341	6.980.542.080	416.583.621	106.697.496.476	196.638.001.829
- Mua trong năm						
- Đầu tư XDCB hoàn thành					4.170.466.312	4.170.466.312
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán			1.821.932.987			1.821.932.987
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	65.723.707.311	16.819.672.341	5.158.609.093	416.583.621	110.867.962.788	198.986.535.154
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	41.479.570.217	15.408.244.982	6.024.730.438	339.778.390	23.970.563.573	87.222.887.600
- Khấu hao trong năm	930.485.643	136.823.754	115.152.217	5.900.227	1.425.043.488	2.613.405.329
- Tăng khác						
- Thanh lý, nhượng bán			1.537.095.087			1.537.095.087
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	42.410.055.860	15.545.068.736	4.602.787.568	345.678.617	25.395.607.061	88.299.197.842
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	24.244.137.094	1.411.427.359	955.811.642	76.805.231	82.726.932.903	109.415.114.429
- Tại ngày cuối năm	23.313.651.451	1.274.603.605	555.821.525	70.905.003	85.472.355.727	110.687.337.312

12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	340.000.000
- Mua trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				340.000.000
Số dư đầu năm	-	-	-	
- Khấu hao trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
Số dư cuối năm	-	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	11.034.029.227	4.327.716.099	6.706.313.128
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ		2.877.434.512	933.286.528	1.944.147.984
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ		4.405.996.489	1.643.251.500	2.762.744.989
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ		1.451.148.671	505.919.871	945.228.800
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)		2.299.449.555	1.245.258.200	1.054.191.355
b. Chi phí trả trước dài hạn	3.854.465.375	3.249.964.932	1.036.889.173	6.067.541.134
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	3.854.465.375	3.249.964.932	1.036.889.173	6.067.541.134
Tổng cộng:	3.854.465.375	3.249.964.932	1.036.889.173	6.067.541.134

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
b) Dài hạn	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tổng cộng:	-	-

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.274.994.605	1.274.994.605	1.493.301.662	
Trần Cường	29.594.000	29.594.000	30.400.000	
Nguyễn Ngọc Thạch	22.877.000	22.877.000	27.850.000	
Phạm Văn Sơn	20.253.000	20.253.000	33.650.000	
Ngô Văn Từ	31.440.750	31.440.750	37.250.000	
Trần Thị Chi			51.550.000	
Trần Thanh Tú	14.469.500	14.469.500	32.950.000	
Hà Quốc Linh	84.503.000	84.503.000	111.350.000	
Nguyễn Chí Lượng	40.748.389	40.478.389	34.550.000	
Nguyễn Thị Nhân	14.065.500	14.065.500	29.800.000	
Nguyễn Văn Hải	14.866.500	14.866.500	142.551.950	
Vũ Xuân Thắc	29.836.000	29.836.000	23.500.000	
Đỗ Đức Minh	14.640.000	14.640.000		
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc			781.555.027	
Công ty CP cao su Hòa Bình	276.465.578	276.465.578	156.344.685	
Công ty TNHH Phân bón Duy Thiên	182.000.000	182.000.000		
Công ty TNHH Sản xuất TM Vật tư	29.600.000	29.600.000		

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Nông Nghiệp Dương Thành Danh				
Ký Hữu Trí	50.000.000	50.000.000		
Công ty TNHH Sản xuất TM Mỹ Anh Phát	43.027.200	43.027.200		
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Nhựa Thiện Nhân	48.317.900	48.317.900		
Công ty TNHH Nhựa Bảo Anh Phát	139.116.528	139.116.528		
Công ty cổ phần Bao bì Quang Minh	49.325.760	49.325.760		
Công ty cổ phần Công Nghệ Nông Nghiệp Xanh	139.848.000	139.848.000		
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

16. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Hồng Tường		5.384.971.200
Công ty TNHH Thế giới trái cây VINA	100.000.000	
Bùi Văn Quý		160.269.400
Công ty TNHH SX TM Hòa Phát Thiện	176.384.796	
Lê Thanh Hùng		
Tiền phải thu từ khách hàng khác	26.875.198	26.875.198
Tổng cộng:	303.259.994	5.572.115.798

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	96.852.709	942.514.385	1.186.328.830	
Thuế tiêu thụ đặc biệt				
Thuế Xuất nhập khẩu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	889.909.409	883.157.839	2.457.188.563	
Thuế thu nhập cá nhân (*)		213.026.269	397.774.799	
Thuế tài nguyên	1.066.240	3.235.520	7.385.280	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		6.888.624.483	6.668.650.624	
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác		9.000.000	9.000.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Tổng cộng:	987.828.358	8.939.558.496	10.726.328.096	
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>1.181.877.105</i>			<i>1.527.308.610</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>987.828.358</i>			

18. Phải trả người lao động	Cuối năm	Đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	1.738.945.288	8.928.179.710

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Tổng cộng:	1.738.945.288	8.928.179.710
19. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	57.500.000	271.328.600
Tiền ăn giữa ca		
- <i>Đội cao su Phong Phú</i>		10.998.000
- <i>NTCS Hòa Bình</i>		135.600.000
- <i>Nhà máy CBM Bàu Non</i>		12.978.000
- <i>Đội NNUDCNC Thống Nhất 2</i>		7.920.000
<i>Chi phí kiểm toán BCTC, trích trước Đảng phí, quân sự</i>	57.500.000	103.732.600
b) Dài hạn	57.500.000	271.228.600
Tổng cộng:	57.500.000	271.228.600

20. Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	25.068.804.164	2.158.878.255
<i>Công ty TNHH TK XD Núi Đất</i>	42.000.000	42.000.000
<i>Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn</i>	21.700.000	21.700.000
<i>Công ty TNHH An Hạ</i>	49.200.000	49.200.000
<i>DNTN Lê Khánh</i>	25.000.000	25.000.000
<i>Công ty TNHH Hoàng Diệp</i>	16.695.000	16.695.000
<i>Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong</i>	60.000.000	60.000.000
<i>Cty TNHH MTCL Sài Gòn</i>	13.824.971	13.824.971
<i>Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ</i>	26.000.000	26.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK</i>	39.622.000	39.622.000
<i>Cơ khí Thanh Hào</i>		26.524.890
<i>Công ty TNHH TM DV Cơ Khí nhôm kính Hương Việt</i>	19.038.200	11.262.600
<i>Công ty TNHH Bào Minh Anh</i>		5.508.000
<i>Công ty TNHH Đại Thiên Tân</i>	10.366.296	10.366.296
<i>Công ty TNHH XDTM SX Uy Long</i>	23.758.313	0
<i>Công ty TNHH SXTMDV-XNK Minh Quyền</i>		288.584.628
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	24.374.217.718	1.275.162.968
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải nộp khác (TCBHXH)	-	
b) Dài hạn		
<i>Công ty TNHH Kizuna</i>		
<i>Công ty TNHH SX TM DV Minh Quyền</i>		
Tổng cộng:	25.068.804.164	2.158.878.255

21. Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Cộng		

22. Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý				-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Chi phí trợ cấp thôi việc				
Tổng cộng:	-	-	-	-

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.678.039.200	2.824.466.760	2.719.800.000	5.782.705.960
Quỹ phúc lợi	9.105.385.713	6.590.422.440	3.583.283.198	12.112.524.955
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	-			
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-	159.300.000		159.300.000
Tổng cộng:	14.783.424.913	9.574.189.200	6.303.083.198	18.054.530.915

24. Vốn chủ sở hữu

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192.500.000.000	105.832.657.290	34.201.609.325	332.534.266.615
- Lãi trong năm nay				
- Lỗ trong năm nay				
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS				
- Giám khác				
Số dư cuối năm trước	192.500.000.000	105.832.657.290	34.201.609.325	332.534.266.615
Số dư đầu năm nay	192.500.000.000	105.832.657.290	16.542.860.551	314.875.517.841
- Lãi trong năm nay			15.015.440.426	15.015.440.426
- Lỗ trong năm nay				
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển				
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi				
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành				
- Chia cổ tức				
- Lợi nhuận năm trước còn giữ lại			1.527.420.125	1.527.420.125
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	105.832.657.290	16.542.860.551	314.875.517.841
		Số cuối kỳ		Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)		98.175.000.000		98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)		94.325.000.000		94.325.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Cộng	192.500.000.000		192.500.000.000
-------------	------------------------	--	------------------------

c) Cổ phiếu	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000		19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)			
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000		19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ			
Ngoại tệ (USD)			
Nợ khó đòi đã xử lý			

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	277.736.412	12.727.629.383	17.796.032.668	43.433.924.693
Doanh thu gia công mũ cao su	600.896.400		600.896.400	1.004.329.200
Doanh thu mũ SVR thu mua chế biến		318.848.000		318.848.000
Doanh thu bán chuỗi xen canh		2.704.000.000		2.704.000.000
Doanh thu bán chuỗi	20.141.461.600	9.952.635.200	40.234.519.100	22.204.773.300
Doanh thu bán chuỗi hợp tác: (Minh Quyền)				
Doanh thu khác			1.873.048.000	1.598.548.000
Tổng cộng	21.020.094.412	25.703.112.583	60.504.496.168	71.264.423.193

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại				
Giảm giá hàng bán				
Hàng bán bị trả lại				
Tổng cộng	-	-	-	-

3. Giá vốn hàng bán:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	177.023.917	12.261.791.730	13.185.682.556	40.174.967.472

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Giá vốn gia công mũ cao su	549.616.772		549.616.772	876.390.495
Giá vốn mũ SVR thu mua chế biến		304.982.089		304.982.089
Giá vốn bán chuối xen canh		1.991.445.362		1.991.445.362
Giá vốn bán chuối	15.343.834.040	6.404.719.000	34.747.336.196	16.319.083.300
Giá vốn bán hợp tác				
Giá vốn khác			976.792.455	680.813.861
Tổng cộng	16.070.474.729	20.962.938.181	49.459.427.979	60.347.682.579
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho	-	--	-	-
Tổng cộng	16.070.474.729	20.962.938.181	49.459.427.979	60.347.682.579

4. Doanh thu hoạt động tài chính:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.896.117.860	3.078.466.936	4.465.338.858	5.417.545.159
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.210.563.146	12.322.484.535	9.210.563.146	12.322.484.535
Tổng cộng	11.106.681.006	15.400.951.471	13.675.902.004	17.740.029.694

5. Chi phí tài chính:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay		99.087.672		463.756.165
Chi phí tài chính khác				
Tổng cộng		99.087.672		463.756.165

6. Chi phí bán hàng:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí kiểm phẩm mũ cao su và bốc xếp		7.870.000	11.854.325	34.184.000
Chi phí vật tư đóng chuối thành phẩm	3.017.731.138	524.727.741	5.120.237.807	1.196.565.115
Tổng cộng	3.017.731.138	532.597.741	5.132.092.132	1.230.749.115

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp:	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.279.122.943	1.231.016.130	2.622.743.488	2.567.755.714
Khấu hao tài sản cố định	73.462.169	96.187.489	172.552.426	192.374.978
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn				
Chi phí trợ cấp mất việc làm	35.164.500	111.250.750	35.164.500	249.137.000
Thuế, phí và lệ phí		3.000.000	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	622.321.393	709.442.634	1.116.846.146	1.239.143.192
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu				
Tổng cộng	2.010.071.005	2.150.897.003	3.950.306.560	4.251.410.884
Các khoản giảm trừ chi phí	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

quản lý				
Tổng cộng	2.010.071.005	2.150.897.003	3.950.306.560	4.251.410.884

8. Thu nhập khác	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản (Cây cao su thanh lý)	-	-		
Thu từ bán mù bọt nhà máy, chuỗi thứ phẩm	-	-		
Thu khác	358.478.101	5.427.767.493	892.163.001	5.460.951.178
Tổng cộng	358.478.101	5.427.767.493	892.163.001	5.460.951.178
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>				
Tổng cộng	358.478.101	5.427.767.493	892.163.001	5.460.951.178

9. Chi phí khác	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản	-	-	-	-
Chi phí thanh lý cây cao su				
Chi phí khác	(14.543.954)	1.397.453.378	178.626.500	1.549.137.498
<i>Giảm trừ giá trị còn lại và chi phí thanh lý cây cao su</i>				
Tổng cộng	(14.543.954)	1.397.453.378	178.626.500	1.549.137.498

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.948.010.864	19.805.815.889	15.015.440.426	24.276.668.773
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	10.948.010.864	19.805.815.889	15.015.440.426	24.276.668.773
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	569	1.029	780	1.261

11. Chi phí SXKD theo yếu tố	Quý II		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.496.541.544	3.388.449.019	13.079.111.684	9.000.683.726
- Chi phí công cụ dụng cụ	3.866.383.976	248.407.955	5.543.912.502	510.487.820
- Chi phí nhân công	5.026.569.865	5.061.831.022	13.804.627.392	10.069.137.345
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.613.405.330	1.465.814.043	5.026.155.163	3.067.730.966
- Chi phí khác bằng	6.452.210.022	6.290.812.512	21.186.699.263	10.433.447.527

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

tiền				
Cộng	24.455.110.737	16.455.314.551	58.640.506.004	33.081.487.384

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên HĐQT. Ban kiểm toán nội bộ. Ban điều hành. thực nhận trong kỳ.

Phụ cấp Hội đồng Quản Trị và Ban Kiểm Toán Nội Bộ

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý 1I/2024	Lũy kế năm 2024
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	0	0
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó Chủ tịch - HĐQT	30.000.000	60.000.000
Lê Trung Đức	Thành viên - HĐQT	15.000.000	30.000.000
Đỗ Khắc Tùng	Thành viên - HĐQT	15.000.000	30.000.000
Phan Văn Phú	Thành viên - HĐQT	15.000.000	30.000.000
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên - HĐQT	30.000.000	60.000.000
Phạm Văn Sơn	Thành viên - HĐQT	15.000.000	30.000.000
Cộng		120.000.000	240.000.000

Lương Ban điều hành Công ty

Họ Và Tên	Chức vụ	Quý 1I/2024	Lũy kế năm 2024
Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch - HĐQT	108.000.000	216.000.000
Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám Đốc	102.000.000	204.000.000
Trần Hữu Trí	Kế Toán Trưởng	60.000.000	120.000.000
Cộng		270.000.000	540.000.000

Giao dịch với các bên có liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2024

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Căn cứ tại Điểm 1.1Khoản 1.Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh. các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(đồng)
		-

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non.Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác.sơ chế. kinh doanh cao su...

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Đơn vị tính: đồng

Báo cáo bộ phận	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
	Văn phòng công ty	Đội NNUDCNC Thống Nhất 1, Đội Thống Nhất 2, Đội CS Phong Phú	Cộng
1, Doanh thu thuần	20.269.977.068	40.234.519.100	60.504.496.168
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			
3. Khấu hao	3.049.986.938	1.976.168.225	5.026.155.163
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.985.162.905	366.945.097	16.352.108.002
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			
6. Tài sản bộ phận	323.894.580.221	37.478.972.586	361.373.552.807
7. Tài sản không phân bổ			
Tổng Tài sản	323.894.580.221	37.478.972.586	361.373.552.807
8. Nợ phải trả bộ phận	46.498.034.966		46.498.034.966
9. Nợ phải trả không bộ phận			
Tổng Nợ phải trả	46.498.034.966		46.498.034.966

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:

6. Thông tin về hoạt động liên tục:

7. Những thông tin khác:

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Bà Rịa, ngày 16 tháng 07 năm 2024

Tổng Giám đốc





Dinh Tân Thông Tin

Trần Hữu Lợi

Nguyễn Nhật Thành Lâm